TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BH** **TỈNH ĐN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:190/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2023
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BH- TỈNH ĐN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Q
*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Trần Văn C
Bà Thiều Thị Phi L

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh S – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Th– Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:1077/2023/TLST–HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị H**, sinh năm 1987.
HKTT: Tổ 15, khu phố 3A, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN.
Chỗ ở hiện nay: Xóm 8, xã DY, huyện DC, tỉnh NA.
- Bị đơn: Anh S **Sau L**, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Tổ 15, khu phố 3A, phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN.

(Chị H, anh L có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Hồ Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S Sau L tự nguyện kết hôn với nhau năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau một thời gian. Tuy nhiên sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bắt đồng quan điểm, anh L không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, suy nghĩ trái ngược nhau. Hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn, tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Hiện nay chị và anh L đã ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2022 đến nay. Nhận thấy cuộc sống

vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S Sau L.

- Về con chung: Chị H xác định có 02 con chung là cháu Sỳ Nghĩa Phước, sinh ngày 02/4/2010 và cháu Sỳ Nghĩa Đ, sinh ngày 30/8/2020. Hiện nay cháu Phước đang ở với anh L, cháu Đ đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ và đồng ý giao cháu Phước cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu và cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác.

- **Bị đơn anh S Sau L trình bày**:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hồ Thị H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN. Quá trình chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì. Hiện nay anh và Chị H không sống chung với nhau từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay Chị H về NA sinh sống do trốn nợ. Nay Chị H xin ly hôn với anh, anh không đồng ý.

- Về con chung: Anh L xác định có 02 con chung là cháu Sỳ Nghĩa Phước, sinh ngày 02/4/2010 và cháu Sỳ Nghĩa Đ, sinh ngày 30/8/2020. Ly hôn, anh xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phước và đồng ý giao cháu Đ cho Chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không yêu cầu gì thêm và không cung cấp chứng cứ gì khác.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH:

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết tranh chấp: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn nguyên đơn chị Hồ Thị H, cho chị Hồ Thị H được ly hôn với anh S Sau L; Về con chung: Giao cháu Sỳ Nghĩa Phước, sinh ngày 02/4/2010 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Sỳ Nghĩa Đ, sinh ngày 30/8/2020 cho Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời Chị H, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Hồ Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Hồ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S Sau L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Hồ Thị H là nguyên đơn, anh S Sau L là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh S Sau L có hộ khẩu thường trú tại thành phố BH và hiện nay đang cư trú tại thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN.

[3] Về thủ tục tố tụng: Chị Hồ Thị H, anh S Sau L có đơn xin vắng mặt tại các phiên toà xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với Chị H, anh L.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị H, HĐXX xét thấy: Chị Hồ Thị H và anh S Sau L tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường TP, thành phố BH, tỉnh ĐN vào ngày 07/6/2010, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn Chị H, anh L sinh sống tại phường TD, thành phố BH, tỉnh ĐN. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh L không chăm lo cho cuộc sống gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, suy nghĩ của hai vợ chồng trái ngược nhau. Đến tháng 8/2022 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên Chị H đã về quê tại NA sinh sống cho đến nay có xác nhận của Công an xã DY, huyện DC, tỉnh NA. Từ khi ly thân đến nay Chị H và anh L không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án và hoà giải Chị H vẫn cương quyết ly hôn với anh L vì không còn tình cảm gì với anh L nữa. Anh L không đồng ý ly hôn mong muốn hàn gắn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị H và anh L là có thật, đời sống chung không thể kéo dài nên việc Chị H xin ly hôn là chính đáng. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Hồ Thị H được ly hôn với anh S Sau L.

[5] **Về con chung**: Chị H, anh L xác định có 02 con chung cháu Sỳ Nghĩa Phước, sinh ngày 02/4/2010 và cháu Sỳ Nghĩa Đ, sinh ngày 30/8/2020. Hiện nay cháu Phước đang ở với anh L, cháu Đ đang ở với Chị H. Ly hôn Chị H xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ, giao cháu Phước cho anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh L xin nuôi cháu Phước, giao cháu Đ cho Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Phước hiện nay đang ở với anh L và nguyện vọng của cháu Phước là ở anh L. Cháu Đ đang ở với Chị H và hiện nay còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Để không làm xáo trộn đời sống tâm sinh lý cũng như việc ăn ở, học hành của hai cháu, vì vậy cần thiết giao cháu Sỳ Nghĩa Phước, sinh ngày 02/4/2010 cho anh L trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Sỳ Nghĩa Đ, sinh ngày 30/8/2020 cho Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời Chị H, anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau do anh chị không yêu cầu.

Chị H, anh L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết

[7] Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát và đương sự:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Xét yêu cầu của Chị H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Hồ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh S Sau L không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị H, chị Hồ Thị H được ly hôn với anh S Sau L.

2. Về con chung: Giao cháu Sỳ Nghĩa Phước, sinh ngày 02/4/2010 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Sỳ Nghĩa Đ, sinh ngày 30/8/2020 cho Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời Chị H, anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau do anh chị không yêu cầu.

Chị H, anh L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị Hồ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Chị H đã nộp tại biên lai số 0007429

ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH. Chị Hồ Thị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh S Sau L không phải nộp án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị H, anh S Sau L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn C **Thiều Thị Phi L** **Nguyễn Thị Q**

NAM ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN NAM ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thìn **Huỳnh Thị Kim Kiên** **Nguyễn Thị Quỳnh**

TM.NAM ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. BH;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND phường An Bình,TP.BH;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quỳnh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 04/9/2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân TP. BH, tỉnh ĐN

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh- Cán bộ hưu trí.

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên- Nam liên hiệp phụ nữ thành phố BH.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1710/2020/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 20120 về việc "Tranh chấp ly hôn", giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hằng, sinh năm 1976.

Thường trú: 26/5/15, tổ 3, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố BH, tỉnh ĐN.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Khoa, sinh năm 1973.

Thường trú: 26/5/15, tổ 3, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố BH, tỉnh ĐN.

(Bà Hằng và ông Khoa có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NAM ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về tố tụng:

- Ý kiến của Nam thẩm Chánh: bà Trần Thị Hằng nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trần Văn Khoa, sinh năm 1973; Địa chỉ: 26/5/15, tổ 3, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố BH, tỉnh ĐN . Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN. Ngày 31/7/2020 ông Trần Văn Khoa có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chưng cứ và hoà giải và vắng mặt tại các phiên toà khi xét xử nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Khoa. Ngày 13/8/2020, bà Trần Thị Hằng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Hằng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Nam thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Nam thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai Nam thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quan hệ hôn nhân:

- Ý kiến của Nam thẩm Chánh: Bà Hằng và ông Khoa tự nguyện kết hôn vào năm 1995 tại Ủy ban nhân dân Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/02/1995. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do ông Khoa nghiện rượu, cờ bạc, nhiều lần ông Khoa đánh đập bà. Mỗi lần đánh đập bà, bà có báo chính quyền địa phương, có thời gian ông Khoa bị đưa đi cải tạo 02 năm nhưng khi trở về vẫn không thay đổi, tính nào tật đó. Ngày 17/4/2020 Công an phường Long Bình, thành phố BH, tỉnh ĐN đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Khoa về "hành vi lặng mạ, chì chiết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên trong gia đình". Tuy bị ông Khoa nhiều lần đánh đập nhưng nghĩ về con cái nên bà đã cố chịu đựng nhưng ông Khoa càng ngày càng bạo lực hơn, đe doạ tính mạng của bà và các con. Từ tháng 3/2020 đến nay bà và ông Khoa sống ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không

hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Khoa. Xét yêu cầu ly hôn của bà Hằng là có cơ sở chấp nhận. Do vậy, việc bà Hằng xin ly hôn với ông Khoa là hoàn toàn có căn cứ nên Nam đồng xét xử chấp nhận.

- Ý kiến của Nam thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Nam thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai Nam thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về con chung:

- Ý kiến của Nam thẩm Chánh: có 03 con chung là cháu Trần Thị Hồng Huyền, sinh ngày 19/11/1995, cháu Trần Thế Anh, sinh ngày 07/11/1999 và cháu Trần Mạnh Hùng, sinh ngày 18/01/2007. Ly hôn bà Hằng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hùng, ông Khoa cũng đồng ý giao cháu Hùng cho bà Hằng nuôi. Do đó, Nam đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Hùng đang ở với bà Hằng, do bà Hằng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định về việc học tập và sinh hoạt cho cháu Hùng, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Hằng, giao cháu Hùng cho bà Hằng chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông Khoa không phải cấp dưỡng nuôi con cháu Hùng. Riêng cháu Huyền, cháu Anh đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Khoa được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của Nam thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Nam thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai Nam thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về tài sản chung và nợ chung: Ý kiến của Nam thẩm nhân dân Chánh:Về tài sản chung: Bà Hằng và ông Khoa tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết; về nợ chung: Bà Hằng và ông Khoa khai không có, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Ý kiến của Nam thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Nam thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai Nam thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về án phí:

- Ý kiến của Nam thẩm Chánh: Bà Trần Thị Hằng phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Ý kiến của Nam thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Nam thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai Nam thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quyền kháng cáo:

- Ý kiến của Nam thẩm Chánh: Bà Hằng và ông Khoa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

- Ý kiến của Nam thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Nam thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai Nam thẩm nhân.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 04 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Nam đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

NAM ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN NAM ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Chánh Huỳnh Thị Kim Kiên Nguyễn Thị Quỳnh

NAM ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Nam thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**